

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II – LỚP 11 – KNTT

T T	Chương / chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm	
			TNKQ									Tự luận							
			Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn										
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD		
1	Hàm số mũ và hàm số lôgarit (8 Tiết)	Phép tính lũy thừa với số mũ thực.	1			1									1	2	0	1	10
		Phép tính lôgarit.	1	1							1					1	2	0	10
		Hàm số mũ. Hàm số lôgarit	1			2										3	0	0	7,5
		Phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit			1			1				1			1	0	3	1	15
2	Quan hệ vuông góc trong không gian. Phép chiếu vuông góc (17 tiết)	Hai đường thẳng vuông góc	1			1									2	0	0	5	
		Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng	2			1	1								3	1	0	10	
		Phép chiếu vuông góc. Góc giữa đường thẳng và mặt phẳng.	1									1				1	0	1	7,5

		Hai mặt phẳng vuông góc	1										1		2	1	0	12,5
		Khoảng cách	1											1	1	0	1	12,5
		Hình chóp cụt đều và thể tích	1			1					1				2	0	1	10
Tổng số câu			10	2	0	6	2	0	0	2	2	0	1	3	14	9	7	
Tổng số điểm			2,5	0.5	0	1,5	0.5	0	0	1	1	0	1	2	4	3	3	10
Tỉ lệ %			30			20			20			30			40	30	30	100

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II – LỚP 11 - KNTT

[illegible]

		<p><i>Phép tính lôgarit</i></p>	<p><i>Biết</i></p> <p>- Nhận biết được các tính chất của phép tính lôgarit.</p> <p><i>Hiểu</i></p> <p>- Giải thích được các tính chất của phép tính lôgarit nhờ sử dụng định nghĩa hoặc các tính chất đã biết trước đó.</p> <p><i>Vận dụng</i></p> <p>— Sử dụng được tính chất của phép tính lôgarit trong tính toán các biểu thức số và rút gọn các biểu thức chứa biến (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).</p> <p>— Giải quyết được một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc có liên quan đến thực tiễn gắn với phép tính</p> <p>lôgarit (ví dụ: bài toán liên quan đến độ pH trong Hoá học, ...).</p>	<p>C2</p> <p>TD</p>	<p>C3</p> <p>TD</p>						<p>C15a</p> <p>GQ</p>				<p>C18</p> <p>GQ</p>
--	--	---------------------------------	---	---------------------	---------------------	--	--	--	--	--	-----------------------	--	--	--	----------------------

		<p><i>Hàm số mũ. Hàm số lôgarit</i></p>	<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được hàm số mũ và hàm số lôgarit. Nêu được một số ví dụ thực tế về hàm số mũ, hàm số lôgarit. – Nhận dạng được đồ thị của các hàm số mũ, hàm số lôgarit. <p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được các tính chất của hàm số mũ, hàm số lôgarit thông qua đồ thị của chúng. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giải quyết được một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc có liên quan đến thực tiễn gắn với hàm số mũ và hàm số lôgarit (ví dụ: lãi suất, sự tăng trưởng,...). 	<p>C4 GQ</p>			<p>C13b GQ C13c GQ</p>	<p>C13d TD</p>							
		<p><i>Phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit</i></p>	<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm được nghiệm của phương trình mũ, lôgarit ở dạng đơn giản. <p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải được phương trình, bất phương trình 		<p>C5 GQ</p>						<p>C15b GQ</p>				

			mũ, lôgarit												
2	Quan hệ vuông góc trong không gian. Phép chiếu vuông góc	Hai đường thẳng vuông góc	<p>Biết</p> <p>- Nhận biết được hai đường thẳng vuông góc trong không gian.</p> <p>Hiểu</p> <p>- Chứng minh được hai đường thẳng vuông góc trong không gian</p> <p>Vận dụng</p> <p>- Tính góc giữa 2 đường thẳng trong không gian</p>	C6 TD			C14a TD								
		Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng	<p>Biết</p> <p>- Nhận biết được đường thẳng vuông góc với mặt phẳng.</p> <p>Hiểu</p> <p>– Xác định được điều kiện để đường thẳng vuông góc với mặt phẳng.</p> <p>– Xác định được hình chiếu vuông góc của một điểm, một đường thẳng, một tam giác.</p> <p>Vận dụng</p>	C7,C8 TD			C14b TD	C14c TD							

			Xác định đường thẳng vuông góc với mặt phẳng.												
		<p><i>Góc giữa đường thẳng và mặt phẳng.</i></p> <p><i>Góc nhị diện và góc phẳng nhị diện</i></p>	<p><i>Biết</i></p> <p>– Nhận biết được khái niệm góc giữa đường thẳng và mặt phẳng.</p> <p>Nhận biết được khái niệm góc nhị diện, góc phẳng nhị diện.</p> <p><i>Hiểu</i></p> <p>– Xác định được góc giữa đường thẳng và mặt phẳng trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: đã biết hình chiếu vuông góc của đường thẳng lên mặt phẳng).</p> <p>– Xác định được số đo góc nhị diện, góc phẳng nhị diện trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: nhận biết được mặt phẳng vuông góc với cạnh nhị diện)</p> <p><i>Vận dụng</i></p> <p>– Tính được góc giữa đường thẳng và mặt phẳng trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: đã</p>	C9 TD								C16a GQ			

			<p>biết hình chiếu vuông góc của đường thẳng lên mặt phẳng).</p> <p>- Tính được số đo góc nhị diện, góc phẳng nhị diện trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: nhận biết được mặt phẳng vuông góc với cạnh nhị diện)</p> <p>- Sử dụng được kiến thức về góc giữa đường thẳng và mặt phẳng, góc nhị diện để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn.</p>												
		<p><i>Hai mặt phẳng vuông góc</i></p>	<p>Biết</p> <p>Nhận biết được hai mặt phẳng vuông góc trong không gian.</p> <p>Hiểu</p> <p>– Xác định được điều kiện để hai mặt phẳng vuông góc.</p> <p>– Giải thích được tính chất cơ bản về hai mặt phẳng vuông góc.</p> <p>– Giải thích được tính chất cơ bản của hình lăng trụ đứng, lăng trụ đều, hình hộp đứng, hình hộp chữ nhật, hình lập phương, hình chóp đều.</p>	<p>C10</p> <p>TD</p>										<p>C19</p> <p>GQ</p>	

[illegible]

			số hình ảnh trong thực tiễn.												
		<i>Hình chóp cụt đều và thể tích</i>	<i>Biết:</i> – Nhận biết được hình chóp cụt đều. <i>Vận dụng:</i> – Tính được thể tích khối chóp cụt đều. – Vận dụng được kiến thức về hình chóp cụt đều để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn.	C12 TD								C16 b GQ			
Tổng số câu				10	2	0	6	2	0	0	2	2	0	1	3
Tổng số điểm				2,5	0.5	0	1,5	0,5	0	0	1	1	0	1	2
Tỉ lệ %				30		20			20			30			